

## ĐÀO TẠO NGHỀ TIẾP CẬN TRÌNH ĐỘ KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ: PHÂN TÍCH TỪ TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI VÀ CHÍNH SÁCH CỦA VIỆT NAM

Phạm Cường

Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội  
Email: cuongphamphm@gmail.com

### Article History

Received: 12/7/2020

Accepted: 19/9/2020

Published: .....

### Keywords

vocational education,  
ASEAN-4, vocational  
education institution,  
Technical and Vocational  
Education and Training.

### ABSTRACT

Vocational training is receiving great attention of the Government, not only the issue of meeting the labor demand and employment but also the issue of bringing the budget revenue from the labor market. This article analyzes the important recommendations of the Asian Development Bank (ADB), International Labor Organization (ILO), ... Vietnamese studies and policies to initially give some recommendations for vocational education institutions in order to international outreach and development orientation. Recommendations and recommendations will contribute to helping vocational education institutions improve the quality of training towards regional and international standard.

### 1. Mở đầu

Tốc độ tăng trưởng rất cao của nhiều quốc gia, kết hợp với tính chất thay đổi của công việc, những thách thức và cơ hội liên quan đến toàn cầu hóa, có nghĩa là các yêu cầu phát triển kỹ năng nghề nghiệp luôn thay đổi. Trong bối cảnh đó, nhiều quốc gia đang công nhận rằng giáo dục và đào tạo nghề ban đầu tốt có thể đóng góp lớn để làm cho nền kinh tế cạnh tranh hơn (Martin Podail, Roman. Hrm, 2013). Đông Nam Á là một khu vực đa dạng, bùng nổ kinh doanh và sự phức tạp về kinh tế và xã hội tạo cơ hội cho việc hoạch định chiến lược về việc làm và phát triển kỹ năng. Phát triển kỹ năng nghề là một yếu tố đồng hành chính đối với tăng trưởng ở Đông Nam Á (Martin Podail, Roman. Hrm, 2013). Di cư và di chuyển (cả giữa và trong các quốc gia) đang thúc đẩy nhu cầu nâng cao kỹ năng tính di động (khả năng chuyên nhượng và công nhận). Ngày càng có nhiều tranh luận trong cả chính sách và tài liệu học thuật về việc liệu các Khung trình độ mới (National Qualifications Framework - NQF) dựa trên quốc gia cho các ngành nghề có phù hợp hay không đối với các nước đang phát triển, sự đồng thuận về quan điểm hiện nay cho thấy rằng họ không phải vậy. Lý do được tìm thấy là do sự di chuyển cao của người lao động giữa các quốc gia, đòi hỏi một cách tiếp cận linh hoạt để bằng cấp. NQF ở các nước đang phát triển cũng gặp thách thức là thiếu sự công nhận ở các nước phát triển.

Đổi mới toàn diện, tiếp cận khu vực và quốc tế trong đào tạo nghề là một xu thế tất yếu đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay. Nhiều chính sách gần đây về vấn đề đào tạo nghề cho thấy sự đặc biệt quan tâm đến vấn đề này của Chính phủ và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (Thủ tướng Chính phủ (2012); Chính phủ (2019); Ban cán sự Đảng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, 2018), trong đó có việc quan tâm tới mục tiêu tiếp cận chuẩn nghề nghiệp khu vực và quốc tế. Chẳng hạn, mục tiêu “*phát triển giáo dục nghề nghiệp là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững của đất nước*”; và “*nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp từng bước đạt chuẩn khu vực và quốc tế để đáp ứng nhu cầu nhân lực trong nước và hội nhập với thị trường lao động khu vực và thế giới*” là các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo được chỉ ra trong (Ban cán sự Đảng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, 2018). Vấn đề tiếp cận trình độ các nước phát triển, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 (Asean-4 gồm 4 nước Singapore, Malaysia, Thái Lan và Philippines) cũng được chỉ rõ: “40 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4” (giai đoạn đến năm 2025), “50 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4” (giai đoạn đến năm 2030) và “Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN” trong Nghị quyết số 617/NQ/BCSD ngày 28/12/2018 về việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030 (Ban cán sự Đảng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, 2018).

Bài báo này phân tích một số nghiên cứu về vấn đề xây dựng và thực hiện đào tạo tiếp cận các tiêu chuẩn nghề nghiệp quốc tế nhằm có những gợi ý bước đầu cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm tiếp cận các kỹ năng nghề của ASEAN. Do đó, nghiên cứu này cơ bản sử dụng phương pháp phân tích tài liệu. Các tài liệu phân tích là những

tài liệu được công bố liên quan đến lĩnh vực đào tạo nghề hay giáo dục nghề nghiệp, của khu vực châu Á, Đông Nam Á và của Việt Nam để nhằm đưa ra một số nhận xét về những khuyến nghị đã có, về bối cảnh và gợi ý cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam trong việc xác định một số hướng đi liên quan đến vấn đề đào tạo nghề theo hướng hội nhập, đạt các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Cũng vì lẽ đó, các tài liệu liên quan đến các quy định chuẩn kỹ năng nghề nghiệp quốc gia sẽ cơ bản không được phân tích trong nghiên cứu này.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số nghiên cứu, phân tích về giáo dục nghề nghiệp

Trong cuốn sách “Thách thức và cơ hội cho sự phát triển kỹ năng nghề ở Châu Á: thay đổi nguồn cung, cầu và thiếu cân bằng”, Ngân hàng Phát triển châu Á đã đưa ra các khuyến nghị chính sách về chiến lược quốc gia liên quan đến vấn đề giáo dục nghề nghiệp các nước châu Á như sau (Ra, S., B. Chin, and A. Liu., 2015):

+ Phát triển kỹ năng như một trụ cột chính trong quy hoạch quốc gia; + Định hướng lại và cân bằng lại hệ thống giáo dục của Châu Á;

+ Cải cách giáo dục và đào tạo kỹ thuật và dạy nghề ưu tiên (tức là chọn lựa một số nghề, thuộc một số lĩnh vực ưu tiên);

+ Giảm thiểu sự không phù hợp về kỹ năng thông qua hợp tác quốc tế.

Tiếp đó, trong quá trình chuyển đổi kinh tế và công nghiệp, các ngành và nghề mới xuất hiện đòi hỏi các kỹ năng mới, trong khi nhiều lĩnh vực truyền thống bị thu hẹp hoặc biến mất, bỏ lại những kỹ năng cần thiết trước đây kỹ năng lỗi thời. Các câu hỏi chính mà các nhà hoạch định chính sách cũng như các cơ sở đào tạo phải đối mặt bao gồm (Ra, S., B. Chin, and A. Liu., 2015):

+ Làm thế nào để trang bị cho người lao động sự chuyển đổi sang các lĩnh vực năng suất cao hơn và các ngành mới nổi, và

+ Làm thế nào để đảm bảo công nhân liên tục được nâng cao kỹ năng để cho phép tăng năng suất hơn nữa. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của việc đào tạo lại, hay học tập suốt đời và vai trò của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong bối cảnh hiện nay.

Bên cạnh đó, số lượng các tổ chức cung cấp dịch vụ đào tạo đã tăng lên. Trong trường hợp này, sự quan tâm đến chất lượng từ những người muốn được đào tạo, từ các doanh nhân muốn đầu tư vào việc đào tạo công nhân của họ và từ những người cung cấp kinh phí. Do đó, các cơ chế chứng nhận chất lượng ngày càng được áp dụng như một biện pháp công nhận trong một thị trường cạnh tranh cao. Do đó, có một con đường thứ hai trong việc sử dụng các tiêu chuẩn, trong trường hợp này tập trung vào việc đảm bảo chất lượng (Fernando Vargas Zúñiga, 1995). Khuyến nghị này cũng rất quan trọng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nó như là một yêu cầu tất yếu cho sự tồn tại, phát triển trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng có yêu cầu, đòi hỏi cao về chất lượng.

Cristina Martinez-Fernandez và Marcus Powell (2009) đã chỉ ra một số vấn đề liên quan đến đào tạo kỹ năng lao động như sau:

+ Người sử dụng lao động trong các ngành kinh tế chiến lược cần cam kết phát triển kỹ năng khoa học và công nghệ trình độ cao trong khi việc hình thành kỹ năng tại nơi làm việc được quy định bởi sự can thiệp của chính phủ để đảm bảo các tiêu chuẩn tối thiểu và đầu tư dài hạn vào các lĩnh vực chiến lược. Ý tưởng này dẫn tới một việc đã được nhắc, kêu gọi, triển khai ở Việt Nam nhưng có lẽ chưa thật sự hiệu quả: đó là sự gắn kết, cùng đào tạo của các doanh nghiệp, người sử dụng lao động trong quá trình đào tạo. Ở đây cần phân biệt rất rõ việc thực tập nghề (dạng một vài tháng, một vài đợt trong quá trình giáo dục nghề nghiệp) với việc cùng đào tạo. Ví dụ này có thể hình dung thông qua việc đào tạo bác sĩ đa khoa hiện nay: sinh viên y khoa sáng lên giảng đường, chiều làm việc tại bệnh viện (trong một khoảng thời gian dài, như là cán bộ của bệnh viện). Trong quá trình đó, người lao động cũng cần được phát triển kỹ năng cao và tiếp tục học tập suốt đời. Điều này cũng có trách nhiệm của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Phát triển kỹ năng của lực lượng lao động đòi hỏi một môi trường thuận lợi để việc cung cấp các kỹ năng được cân bằng với việc cung cấp các cơ hội sử dụng các kỹ năng này. Điều này cho thấy sự cần thiết phải nắm vững nhu cầu nghề nghiệp về cả chất lượng (kỹ năng nghề nghiệp) lẫn số lượng lao động. Do đó, các cơ sở đào tạo phải thực hiện nhiệm vụ kép là: phát triển kỹ năng tích hợp với xúc tiến việc làm.

+ Cần thiết phải kiểm tra sự tương tác giữa các phương pháp tiếp cận kỹ năng của quốc gia các phương pháp tiếp cận phát triển và quốc gia để sử dụng kỹ năng. Kinh nghiệm trong quá khứ của các quốc gia cho thấy rằng chỉ đào tạo trong quốc gia, thiếu sự tiếp cận chuẩn kỹ năng quốc tế thì hầu hết các trường hợp sẽ dẫn đến hiệu quả việc làm đáng thất vọng. Kinh nghiệm trong quá khứ ở các quốc gia Đông nam Á theo nghiên cứu của Cristina Martinez-Fernandez and Marcus Powell (2009) cũng cho thấy rằng trong hầu hết các trường hợp, việc đào tạo đơn thuần (theo

nghĩa đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước) sẽ không mang lại kết quả phát triển tích cực. Và do đó, hợp tác quốc tế trong việc phát triển kỹ năng cần được đặt trong một khuôn khổ hợp tác rộng lớn hơn để hỗ trợ sử dụng các kỹ năng. Điều này không chỉ ở khả năng tìm kiếm việc làm mà còn cả ở hiệu quả lao động, năng suất lao động.

+ Trong nghiên cứu này, các tác giả cũng chỉ ra sự cần thiết phải chú ý thích đáng đến việc đào tạo lao động nữ, bởi lẽ lực lượng này có số lượng lớn và ngày càng gia tăng, có những đóng góp quan trọng vào hiệu quả của thị trường lao động.

+ Nghiên cứu cũng chỉ ra sự cần thiết phải có, đáp ứng các chuẩn để nhằm đạt được các chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp nếu có thể (tức là chất lượng). Đương nhiên, chứng chỉ này sẽ từ các mức độ: quốc gia, khu vực, quốc tế (đổi với mỗi nghề cụ thể). Điều này cũng cần phải được sớm triển khai bởi sự di cư lao động trong bối cảnh toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ. Các cơ sở đào tạo cần đáp ứng được nhu cầu đào tạo không chỉ ở trong nước mà còn cả nước ngoài để đáp ứng thực tế này.

Về việc cải tiến hệ thống đào tạo (Cristina Martinez-Fernandez and Marcus Powell, 2009) đã đưa ra một số khuyến nghị đối với cộng đồng các nước ASEAN:

+ Tiếp tục mở rộng hệ thống Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề (Technical and Vocational Education and Training viết tắt là TVET) ở các nước thành viên ASEAN kém phát triển nhất và ở một số nền kinh tế có thu nhập trung bình và việc nâng cấp chất lượng và mức độ phù hợp với thị trường lao động.

+ Khuyến khích hợp tác giữa cộng đồng doanh nghiệp và giáo dục đào tạo các nhà cung cấp là một cách hiệu quả và khả thi để giảm bớt sự không phù hợp giữa các kết quả TVET và cơ hội việc làm.

+ Sự tham gia của người sử dụng lao động trong việc quản lý các cơ sở đào tạo giúp bám sát thay đổi công nghệ và thực hành tại nơi làm việc, thay đổi nhu cầu về các kỹ năng cụ thể và tiêu chuẩn năng lực mới. Họ trở thành một phần của hệ thống phản hồi cho các nhà cung cấp đào tạo về chất lượng đào tạo có phù hợp với mong đợi của nơi làm việc hay không.

Theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các nước thành viên ASEAN đang có sự khác biệt về nguồn cung lao động gồm kỹ năng, tiền lương và năng suất. Trong khi đó, việc thông qua các tiêu chuẩn lao động trong khối ASEAN cũng còn nhiều hạn chế dù rằng trong khối này cũng có nhiều hoạt động tích cực nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hoạt động về vấn đề này.

Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) cũng khuyến nghị các nước ASEAN cần lưu ý tới một số nhu cầu về loại hình đào tạo (lao động) mà các doanh nghiệp trong ASEAN cần nhất là quản lý và đào tạo lãnh đạo (29%), kỹ năng nghề và kỹ thuật (17%), dịch vụ chăm sóc khách hàng (15%). Tiếp sau là marketing, IT... và sau cùng là kế toán (6%). Không những thế, ILO cũng chỉ ra rằng, trong giai đoạn này và sắp tới, cộng đồng ASEAN sẽ phải đối mặt với sự không tương xứng về kỹ năng trong các ngành nghề đòi hỏi kỹ năng cao. Số liệu thống kê năm 2014 cho thấy, 58,8% người lao động ASEAN (179 triệu) đang làm những công việc dễ bị tổn thương. Tỷ lệ việc làm dễ bị tổn thương trong ASEAN cao hơn đáng kể khi phân tích về sự khác biệt về giới với tỷ lệ lao động nữ cao vượt trội so với nam giới. Bên cạnh đó là những chênh lệch về chất lượng việc làm, trình độ phát triển thị trường lao động và khả năng đảm bảo phúc lợi đối với người lao động và an sinh xã hội... (Trung tâm WTO và hội nhập, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 2017).

Trong nghiên cứu về đào tạo nghề (hay giáo dục nghề nghiệp) ở Việt Nam, cũng có nhiều công bố về vấn đề đào tạo nghề mà trong đó trực tiếp hay gián tiếp đề cập tới việc tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế về kỹ năng nghề nghiệp.

Nghiên cứu của Nguyễn Thu Thủy (2018) đã chỉ ra 3 nhóm giải pháp đột phá nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp là: + Trao quyền tự chủ đầy đủ cho các cơ sở GDNN gắn với trách nhiệm giải trình, cơ chế đánh giá độc lập, sự kiểm soát của nhà nước, giám sát của xã hội; nâng cao năng lực quản trị của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; + Chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng; + Gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động, việc làm bền vững và an sinh xã hội. Nghiên cứu về vấn đề giáo dục nghề nghiệp gắn với thị trường hay đáp ứng thị trường lao động Bùi Ngọc Dương (2019), Nguyễn Văn Anh (2009),... hay theo cách diễn đạt khác là đào tạo nghề cần được nghiên cứu theo phương pháp tiếp cận thị trường dựa trên quy luật cung - cầu của thị trường (Nguyễn Thị Hằng, 2013)... Các nghiên cứu này cũng đã đưa ra các khuyến nghị liên quan tới chính sách của mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

## **2.2. Một số chính sách của Việt Nam**

Trong những năm gần đây, hệ thống giáo dục nghề nghiệp đã có những bước phát triển cả về quy mô, chất lượng đào tạo, từng bước đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Được sự quan tâm của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, các sở ban ngành,... nên nhận thức của xã hội về giáo dục

nghề nghiệp đang dần thay đổi, phù hợp hơn với những điều kiện về thị trường lao động hiện nay, trong bối cảnh hội nhập quốc tế mạnh mẽ.

Quốc hội đã ban hành Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13, trong đó nêu rõ: “Đào tạo nghề nghiệp là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp” (Quốc hội, 2014).

Chính phủ đã xác định mục tiêu tổng quát về phát triển dạy nghề thời kỳ 2011-2020 là: “đến năm 2020, dạy nghề đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; chất lượng đào tạo của một số nghề đạt trình độ các nước phát triển trong khu vực ASEAN và trên thế giới; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; phổ cập nghề cho người lao động, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo vững chắc, đảm bảo an sinh xã hội” (Thủ tướng Chính phủ, 2012, tr. 2). “đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy nghề và quản lý dạy nghề; xây dựng cơ sở dữ liệu về dạy nghề”; “đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng nguồn lực cho phát triển dạy nghề”; “chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy nghề trọng điểm (cấp quốc gia và cấp khu vực); “phát triển chương trình, giáo trình”; “tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề”; “kiểm soát, đảm bảo chất lượng dạy nghề”; “gắn kết giữa dạy nghề với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp”, ... (Thủ tướng Chính phủ, 2012, tr. 4-9). Những mục tiêu và giải pháp đặt ra như trên là rất cụ thể, toàn diện, là cơ sở cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có điều kiện, căn cứ triển khai các nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp (Nguyễn Khắc Toàn, 2020).

Mới đây, tháng 5/2020, Thủ tướng chính phủ đã ban hành Chỉ thị 24/CT-TTg, ngày 28/5/2020 về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới. Trong đó, mục tiêu là: “Phấn đấu đến năm 2030, giáo dục nghề nghiệp Việt Nam tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, đến năm 2045 tiếp cận trình độ các nước G20” (Thủ tướng Chính phủ, 2020). Để làm được này, Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, địa phương:

+ Cần làm tốt công tác dự báo nhu cầu lao động, xây dựng và cập nhật dữ liệu mở về lao động có kỹ năng nghề theo từng lĩnh vực, ngành nghề, trình độ đào tạo, nhất là những ngành nghề, kỹ năng mới và cập nhật dữ liệu theo định kỳ,...

+ Chỉ đạo rà soát, tổ chức, sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo mục tiêu đề ra trong Nghị quyết của Trung ương và Chính phủ; nhanh chóng ổn định tổ chức, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi được tổ chức, sắp xếp lại; thúc đẩy phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp có năng lực tự chủ và hoạt động hiệu quả.

+ Tăng cường gắn kết chặt chẽ 3 “Nhà”: Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp công nhận, tuyên dụng, sử dụng, trả tiền lương, tiền công cho người lao động dựa trên kỹ năng và năng lực hành nghề...

+ Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế đa phương, song phương trong giáo dục nghề nghiệp như,... Tạo môi trường thuận lợi để các nhà đầu tư nước ngoài mở cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao tại Việt Nam.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Chương trình “Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam” phối hợp với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ra đời trong bối cảnh đổi mới hệ thống và chính sách về giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng của các chương trình đào tạo và phát triển các Trung tâm Chất lượng cao về đào tạo nghề. Chương trình hợp tác với 12 cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại thông qua Chương trình Hợp tác Tài chính Việt-Đức (Hình 1). Trong khuôn khổ Chương trình, có thể chỉ ra một số nội dung như sau:

+ Các chuyên gia quốc tế tư vấn cho giáo viên và cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp những chủ đề chuyên môn và vấn đề tổ chức. + Hợp tác với khối doanh nghiệp được tăng cường, đặc biệt là trong việc nâng cao chất lượng cán bộ đào tạo và đánh giá tại doanh nghiệp; giới thiệu và cải thiện công tác đào tạo tại doanh nghiệp và thành lập những tổ chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ... + Chương trình cũng hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo của các Trung tâm Chất lượng cao về đào tạo nghề, là những cơ sở giáo dục nghề nghiệp cung cấp những chương trình đào tạo hướng cầu chất lượng cao, dựa trên chuẩn quốc tế trong các lĩnh vực Cơ khí, Cơ điện tử, Kỹ thuật điện và Xử lý nước thải (Vietnamese-German Programme Reform of TVET in Viet Nam, 2020).





Hình 1. Khu vực hoạt động của Chương trình “Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam”

Như hình 1, ta có thể thấy ý tưởng về việc triển khai thí điểm các cơ sở đào tạo Nghề đều ở các khu vực, tỉnh có các khu công nghiệp lớn, nhiều khu công nghiệp, để có sự gắn kết nhất định, chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, nguồn cầu lao động.

Đặc biệt, từ năm 2007 đến nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng Cục Dạy nghề đã ban hành và luôn cập nhật, bổ sung hệ thống các văn bản quản lý giáo dục nghề nghiệp đã giúp cho các cơ sở GGDN phần nào tháo gỡ các khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động quản lý đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Theo những chỉ đạo của các cấp, hiện nay, chuẩn đầu ra được sử dụng ngày càng phổ biến trong việc phát triển các khung trình độ và hệ thống trình độ quốc gia, chương trình đào tạo, tiêu chuẩn nghề, hướng nghiệp và tư vấn nghề. Mục đích chính sử dụng chuẩn đầu ra nhằm gắn kết tốt hơn giáo dục đào tạo với thị trường lao động và việc làm. Khung tham chiếu trình độ ASEAN đã sử dụng chuẩn đầu ra như một cách tiếp cận đơn nhất để các nước thành viên có thể tham chiếu trình độ trong nội khối ASEAN. Luật Giáo dục nghề nghiệp (Quốc Hội, 2014) quy định, nhà trường sẽ tự chủ về chương trình đào tạo. Xây dựng các chương trình đào tạo theo năng lực hành nghề dựa trên các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, hoặc xác định chuẩn đầu ra theo ngành nghề và vị trí việc làm ứng với từng trình độ. Với định hướng phát triển các chương trình tiếp cận chuẩn khu vực ASEAN và quốc tế thì Khung trình độ quốc gia và Khung tham chiếu trình độ ASEAN cần được tiếp cận, nghiên cứu và ứng dụng ở tất cả các khâu đào tạo bao gồm đầu vào, quá trình và đánh giá để bảo đảm chuẩn đầu ra theo cam kết của nhà trường với người học, người sử dụng lao động, Nhà nước và toàn xã hội (Trung tâm WTO và hội nhập, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 2017).

Bên cạnh nhiều kết quả cao đã đạt được, hoạt động đánh giá kỹ năng nghề và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã gặp phải một số khó khăn, hạn chế như: “Việc xây dựng mới, cập nhật, chỉnh sửa bổ sung các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia còn chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động; Các nghề đã công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia chưa được xây dựng đầy đủ ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm và bài kiểm tra thực hành (hiện mới có 84/191 nghề có tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được ban hành ngân hàng câu hỏi về đề thi thực hành)” (Hà Anh, 2019).

### 2.3. Một số khuyến nghị đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tiếp cận mục tiêu và chiến lược đào tạo nghề

Từ những phân tích kể trên, chúng tôi khuyến nghị các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần xác định một số mục tiêu chiến lược và giải pháp như sau:

Về mục tiêu, cần hướng tới và xác định rõ các phân khúc thị trường cụ thể, cả trong nước và quốc tế. Bên cạnh việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp theo trình độ quốc gia, cần quan tâm tới các lĩnh vực mũi nhọn, đem giá trị kinh tế cao trong thị trường lao động, đáp ứng các yêu cầu khu vực và quốc tế.

Về biện pháp, cần thực hiện các giải pháp như dưới đây:

+ Phát triển chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc gia, tiếp cận quốc tế (trước hết là khu vực ASEAN, chẳng hạn là hướng tới chuẩn kỹ năng nghề nghiệp của ASEAN-4);

+ Lựa chọn một số nghề có nhu cầu cao, mũi nhọn để đào tạo, hợp tác đào tạo; Hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo theo hướng tích hợp: Cùng đào tạo và sử dụng lao động;

+ Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo (nhập khẩu chương trình đào tạo, mời giảng viên quốc tế, chiêu sinh học viên quốc tế, ...);

+ Phối hợp với một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được đầu tư theo Chương trình “Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam” trong đào tạo.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu này bước đầu chỉ ra những khuyến nghị trong định hướng đào tạo nghề cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dựa trên các phân tích từ các khuyến nghị của các tổ chức nước ngoài, các nghiên cứu ngoài nước và trong nước cũng như những chính sách hiện có về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam. Tiếp cận, hướng tới đào tạo đạt các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế là một xu hướng tất yếu. Đã đến lúc, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần phải đổi mới tư duy, mạnh mẽ đổi mới mục tiêu, cách thức thực hiện, để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh của chính mình cũng như của thị trường lao động Việt Nam. Những chính sách hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam đã cho thấy sự hiệu quả và cần phải thực hiện quyết liệt hơn nữa, nhanh hơn nữa nhằm giúp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể cung cấp các hàng hoá với chất lượng và hiệu quả kinh tế cao hơn, phù hợp với nguồn cung luôn thay đổi và có đòi hỏi ngày càng cao.

### Tài liệu tham khảo

- ASEAN (2004), ASEAN Policy Blueprint for SME Development (APBSD) 2004-2014, ASEAN.
- Asian Development Bank (2008), About ADB, [www.adb.org/About/default.asp](http://www.adb.org/About/default.asp), accessed 21 April 2008.
- Ban cán sự Đảng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2018). *Nghị quyết số 617/NQ/BCSD* ngày 28/12/2018 Về việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030.
- Bùi Ngọc Dương (2019). *Một số vấn đề lý luận về công tác quản lý đào tạo nghề ở các trường cao đẳng nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, Số 442, tr 26-30.
- Chính phủ (2019). *Nghị định số 15/2019/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp*, ngày 01/02/2019.
- Cristina Martinez-Fernandez and Marcus Powell (2009). *Employment and Skills Strategies in Southeast Asia Setting the Scene*. OECD, Printed in France. OECD Local Economic and Employment development Programme, LEED Programme.
- Fernando Vargas Zúñiga (1995). *QUALITY MANAGEMENT IN VOCATIONAL TRAINING The use of standards and their different applications*. International Labour Office - Instituto Técnico de Capacitación y Productividad (Available at: [https://www.oitcenterfor.org/sites/default/files/file\\_evento/ref\\_pap\\_int2.pdf](https://www.oitcenterfor.org/sites/default/files/file_evento/ref_pap_int2.pdf)).
- Hà Anh (2019). Chuẩn hóa hệ thống đánh giá kỹ năng nghề quốc gia. *Tạp chí Tài chính*, xem tại: <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/chuan-hoa-he-thong-danh-gia-ky-nang-nghe-quoc-gia-316813.html>, ngày 28/9/2020).
- ILO (2008). *Labour and Social Trends in ASEAN 2008: Driving Competitiveness and Prosperity with Decent Work*, ISO, Bangkok.
- Martin Podail, Roman. Hrmó (2013). *Introduction of a Quality Management System for Vocational Education and Training in Slovakia*. *International Journal of Engineering Pedagogy*, Vol 3, No 3, 18-23.
- Nguyễn Đức Thắng (2017). *Quy trình triển khai hệ thống chất lượng theo tiếp cận CIPO trong quản lý thiết bị đào tạo của các trường đại học kỹ thuật trong quân đội*. Tạp chí Giáo dục, số 419, tr 62-64.

- Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 630/2012/QĐ-TTg về Phê duyệt Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020 ban hành ngày 29/5/2012*.
- Nguyễn Khắc Toàn (2020). Thực trạng quản lý hoạt động đào tạo nghề ở Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An. Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt kỳ 1 tháng 5/2020, tr 284-288).
- Nguyễn Thị Hằng (2013). *Quản lý đào tạo nghề ở các trường dạy nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội*. Luận án tiến sĩ ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Tiến Dũng (2012). *Đổi mới và phát triển dạy nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa theo hướng hiện đại*. Tạp chí Công sản (nguồn: <http://tapchicongsan.org.vn/web/guest/xay-dung-ang2/-/2018/16935/doi-moi-va-phat-trien-day-nghe-dap-ung-nhu-cau-nhan-luc-cho-su-nghiep-cong-nghiep-hoa-theo-huong-hien-dai.aspx>, ngày 4/7/2020).
- Nguyễn Thu Thủy (2018). Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tới. Tạp chí Tuyên giáo (xem tại: <http://tuyengiao.vn/khoa-giao/giao-duc/tiep-tuc-thuc-hien-nghi-quyet-so-29-nqtw-ve-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-nghe-nghiep-trong-thoi-gian-toi-117311>, ngày 28/9/2020).
- Nguyễn Văn Anh (2009). *Phối hợp đào tạo giữa Cơ sở dạy nghề và Doanh nghiệp trong khu công nghiệp*. Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Quốc Hội (2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp* (Luật số 74/2014/QH13).
- Ra, S., B. Chin, and A. Liu. (2015). Challenges and opportunities for skills development in Asia: Changing supply, demand, and mismatches. Mandaluyong City, Philippines: Asian Development Bank.
- Thủ tướng Chính phủ (2012). *Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011 – 2020* (ban hành kèm theo Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ).
- Thủ tướng Chính phủ (2020). Chỉ thị 24/CT-TTg, ngày 28/5/2020 về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.
- Trung tâm WTO và hội nhập, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2017). Xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề khối ASEAN (xem tại: <http://aecvcci.vn/tin-tuc-n1945/xay-dung-tieu-chuan-ky-nang-nghe-khoi-asean.htm>, ngày 29/9/2020).
- Vietnamese-German Programme Reform of TVET in Viet Nam (2020). Chương trình “Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam” (xem tại: <https://www.tvet-vietnam.org/vi/topic/140.ao-to-ngh-ti-vn.html>, ngày 29/9/2020).